

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 02)***LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO.02)*

*(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)*

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm dệt may và da giày**
Laboratory: Textile and Footwear Laboratory

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH QIMA Việt Nam**
Organization: QIMA Vietnam Company Limited

Số hiệu/ Code: **VILAS 1393**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Cơ**
Mechanical

Người quản lý:
Laboratory manager: **Trần Ngọc Tuyền**
Tran Ngoc Tuyen

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /11/2025 đến ngày 22/12/2029**

Địa chỉ:
Address: **Số 470, đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
No. 470, Dong Van Cong street, Cat Lai ward, Ho Chi Minh city

Địa điểm:
Location: **Số 470, đường Đồng Văn Cống, phường Cát Lái, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
No. 470, Dong Van Cong street, Cat Lai ward, Ho Chi Minh city

Điện thoại/ Tel: **(028) 35357188**

Email: **Tuyen.tran@qima.com**

Website: **www.qima.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 02)
LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO.02)

VILAS 1393

Phòng thử nghiệm dệt may và da giày
Textile and Footwear Laboratory

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Vật liệu dệt may, vải Textile, Fabrics	Xác định độ bền màu với ma sát (trừ vải lông) Determination of colour fastness to crocking rubbing (except pile fabrics)	Cấp/Grade: 1 ~ 5	(a) GB/T 3920-2024
2.	Vật liệu dệt may, vải Textile, Fabrics	Xác định độ bền mài mòn Determination of abrasion resistance		(a) ASTM D4060-25
3.	Vật liệu dệt may Textile materials	Phân tích thành phần sợi: định tính và định lượng Fiber analysis: qualitative and quantitative.		(a) GB/T 2910.7-2025 GB/T 2910.11-2024 GB/T 2910.12-2023
4.		Kiểm tra đồ bền của khóa kéo Checking of slide fasteners (Zips)		(a) BS EN 16732:2025
5.		Xác định mật độ vải Determination of fabric density		(a) ISO 7211-2:2024
6.		Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn đứt của vải. Phương pháp Strip Determination of maximum force and elongation at maximum force. Strip method	Độ bền/strength Đến/to 5 000 N Độ giãn/elongation Đến/to 400 %	(a) ASTM D5035-11 (2024)
7.	Vật liệu dệt may, vải Textile, Fabrics	Xác định độ bền mài mòn. Phương pháp Martindale Determination of abrasion resistance. Martindale method	Cấp/Grade: 1 ~ 5	(a) EN ISO 12947-4:1998+AC:2006
8.	Giày dép Footwear	Xác định độ kháng lạnh Determination of insulation against cold		(a) ISO 20344:2021/Amd 1:2024 section 5.16
9.		Xác định độ bám dính của mũi và đế giày Determination of bonding durability of Upper and Sole		(a) ISO 20344:2021/Amd 1:2024 Clause 5.2 SATRA TM 411:2025

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1 (SỐ 02)*LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, FIRST EXPANSION (NO.02)***VILAS 1393****Phòng thử nghiệm dệt may và da giày*****Textile and Footwear Laboratory***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Giày dép <i>Footwear</i>	Xác định độ bền mài mòn. Phương pháp to-and-fro <i>Determination of abrasion resistance. To-and-fro method</i>		(a) ISO 20344:2021/Amd 1:2024 Clause 7.3
11.	Đế giày <i>Shoe sole</i>	Xác định độ bền mài mòn <i>Determination of abrasion resistance</i>		(a) ISO 4649:2024

Chú thích/Notes:

- ISO: *International Organization for Standardization.*
- EN: *European Norm.*
- BS: *British Standard.*
- ASTM: *American Society for Testing and Materials.*
- SATRA: *British Boot, Shoe and Allied Trades Research Association*
- GB: *Guobiao.*
- (a) Phép thử cập nhật phương pháp thử (Số: 2, 10, 19, 20, 21, 40, 49, 64, 72, 73, 79) trong danh mục phép thử của quyết định số 556/QĐ-VPCNCL ngày 05/03/2025)/ *Update method version tests (No: 2, 10, 19, 20, 21, 40, 49, 64, 72, 73, 79) in list of accredited tests of accreditation decision no. 556/QĐ-VPCNCL dated 05/03/2025.*

Trường hợp Công ty TNHH QIMA Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH QIMA Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for QIMA Vietnam Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*